

Vốn xã hội và khả năng tiếp cận kiến thức nông nghiệp của hộ nuôi tôm ven biển huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

DƯƠNG THẾ DUY*

Tóm tắt

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định vai trò của vốn xã hội đối với khả năng tiếp cận kiến thức nông nghiệp của hộ nuôi tôm. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập thông qua cuộc phỏng vấn trực tiếp 183 hộ nuôi tôm thâm canh trên địa bàn của 03 xã ven biển huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre: An Thủy, Bảo Thạnh và Bảo Thuận. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố: Mạng lưới xã hội chính thức (hội khuyến nông); Mạng lưới xã hội phi chính thức (đồng nghiệp/bạn bè, đại lý); Tuổi, Kinh nghiệm; Số năm sống tại địa phương và Trình độ học vấn... đều có tác động đến khả năng tiếp cận kiến thức nông nghiệp của hộ nuôi tôm.

Từ khóa: vốn xã hội, kiến thức nông nghiệp, hộ nuôi tôm.

Summary

This study is to determine the role of social capital for access to agricultural knowledge of shrimp households. Data is collected through a direct interview of 183 shrimp households in three coastal wards of An Thuy, Bao Thanh and Bao Thuan. The result identifies Official social network (agriculture encouragement association), Informal social networks (colleague/friend, agency), Age, Experience, Number of years living in the locality and Education that create an impact on their aforementioned access.

Keywords: social captial, agricultural knowledge, shrimp households

GIỚI THIỆU

Trong xã hội Việt Nam, các mối quan hệ xã hội của cá nhân có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống hàng ngày, đặc biệt là trong cộng đồng ven biển ở Bến Tre nói riêng, Đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Thực tế, các mối quan hệ này đóng vai trò quan trọng trong giao dịch chính thống giữa các cá nhân, tổ chức bên ngoài xã hội dựa trên các quy chuẩn, niềm tin gọi là vốn xã hội. Trong nhiều năm gần đây, các hoạt động đầu vào, đầu ra, như: kỹ thuật nuôi, kiến thức thị trường của hộ nuôi tôm thâm canh tại 3 xã ven biển là: An Thủy, Bảo Thạnh, Bảo Thuận của huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đều phụ thuộc vào mạng lưới quan hệ xã hội. Cụ thể, giữa hộ với bạn bè, hàng xóm, đồng nghiệp, đại lý các cấp, thương lái các cấp, tổ chức đoàn hội, chính quyền địa phương. Bài viết nghiên cứu về ảnh hưởng của vốn xã hội đối với khả năng tiếp cận kiến thức nông nghiệp của hộ nuôi tôm thâm canh tại vùng ven biển huyện Ba Tri, từ đó đề xuất một số khuyến

ngại nhằm nâng cao khả năng tiếp cận kiến thức nông nghiệp qua mạng lưới xã hội của hộ nuôi tôm.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Một nguồn lực vô hình được tồn tại trong các mối quan hệ xã hội được đề cập đến với tên gọi là vốn xã hội (Social captial). Kể từ khi nhà giáo dục học người Mỹ Lya Judson Hanifan đưa ra đầu tiên vào năm 1916 cho đến năm 1999 đã có rất nhiều nhà nghiên cứu đưa ra các định nghĩa, cũng như các cách tiếp cận khác nhau về vốn xã hội dưới nhiều lĩnh vực, như: giáo dục, xã hội học, kinh tế... Trong đó, tiêu biểu là: Bourdieu (1986); Coleman, (1988, 1990); Putnam

* ThS., Trường Đại học Tôn Đức Thắng | Email: theduyx@gmail.com

Ngày nhận bài: 24/07/2017; Ngày phản biện: 22/08/2017; Ngày duyệt đăng: 05/09/2017

(1993)... Nhưng đến năm 2000, Putnam (trích từ Hoài & cộng sự, 2010) mới đưa ra được khái niệm và cách tiếp cận tương đối hoàn chỉnh về vốn xã hội dựa vào hai tiêu chí: (1) Cấu trúc mạng lưới: chỉ ra hệ thống phân tầng mạng lưới, tần suất kết nối giữa các chủ thể trong mạng lưới; (2) Chất lượng quan hệ trong mạng lưới: sự tin tưởng, kỳ vọng và chia sẻ lẫn nhau giữa các chủ thể trong mạng lưới. Các tác giả trên cho rằng:

(1) Vốn xã hội chỉ tồn tại khi và chỉ khi chủ thể tham gia mạng lưới xã hội;

(2) Các chủ thể tham gia mạng lưới ít nhiều đều nhận được lợi ích từ mạng lưới đó: có nhiều cơ hội tiếp cận, huy động hoặc sử dụng có hiệu quả các nguồn lực khác, như: tự nhiên, vật thể, tài chính, con người...;

(3) Các đặc trưng của mạng lưới xã hội bao gồm các nghĩa vụ, kỳ vọng, quy chuẩn, chuẩn mực dựa vào niềm tin, sự tương hỗ qua lại.

Cũng theo Putnam (2000, trích từ Sen, 2010) chia mạng lưới xã hội thành hai loại: (1) Mạng lưới chính thức, gồm: các cá nhân tham gia vào tổ chức hợp pháp như đảng phái chính trị, nhóm tôn giáo, chính quyền và các hiệp hội; (2) Mạng lưới phi chính thức, gồm: các mối quan hệ của cá nhân với hàng xóm, bạn bè, đồng nghiệp hoặc thậm chí là những người xa lạ. Vì vậy, mạng lưới xã hội (bao gồm mạng lưới chính thức, phi chính thức) và các quy chuẩn (tin tưởng, sự tương trợ) là những thành phần quan trọng lần lượt đại diện cho cấu trúc và chất lượng của vốn xã hội cộng đồng.

Mô hình nghiên cứu

Kế thừa các nghiên cứu trên và kết hợp với khảo sát thực tế tại địa bàn, tác giả đề xuất mô hình tác động vốn xã hội đến khả năng tiếp cận kiến thức nông nghiệp của hộ nuôi tôm thâm canh vùng ven biển của huyện Ba Tri, như sau:

Trước hết, tác giả sử dụng phương pháp hồi quy logistic:

$$\text{Log} [P(Y=1)/P(Y=0)] = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 \dots + \beta_n X_n$$

Để ước lượng mô hình trên, tác giả chuyển về dạng tuyến tính. Khi đó, mô hình được viết lại như sau: $Y_i = \beta_0 + \beta_1 X_i + \epsilon_i$

với Y_i : là biến phụ thuộc và được đo lường bằng hai giá trị 1 và 0. Như vậy, mô hình được thiết lập cụ thể như sau:

$$TCKT = \beta_0 + \beta_1 HN + \beta_2 BN + \beta_3 HD + \beta_4 DN + \beta_5 TL + \beta_6 DL + \beta_7 TR + \beta_8 KC + \beta_9 TU + \beta_{10} KN + \beta_{11} SN + \beta_{12} TD + \beta_{13} LD$$

BẢNG 1: KẾT QUẢ MÔ HÌNH HỒI QUY LOGISTIC VỀ KHẢ NĂNG TIẾP CẬN KIẾN THỨC

Các biến độc lập	Khả năng tiếp cận kiến thức nông nghiệp		
	Hệ số β	Sig.	Exp(β)
- Hằng số	0,438	,000	1,550
Mạng lưới chính thức			
- Hội khuyến nông	1,247	,000	3,480
- Ban quản lý khu nuôi	2,943	,311	18,973
- Tổ chức hội đoàn	0,224	,634	1,251
Mạng lưới phi chính thức			
- Đồng nghiệp/bạn bè	1,776	,000	5,906
- Thương lái	2,433	,114	11,393
- Đại lý	1,548	,043	4,702
Lòng tin	0,043	,256	1,044
Khoảng cách	-0,553	,368	0,575
Tuổi	-1,735	,067	0,176
Kinh nghiệm	0,936	,022	2,550
Số năm sống tại địa phương	0,375	,000	1,455
Trình độ học vấn	0,192	,000	1,212
Lao động	1,422	,623	4,145
Số quan sát (N)			183
-2 Log likelihood			112,255
Hệ số Negekerke R Square			0,514

Nguồn: Tính toán của tác giả

Trong đó, Tiếp cận kiến thức (TCKT) là biến phụ thuộc đo lường khả năng tiếp cận kiến thức nông nghiệp của hộ nuôi tôm, nếu mức độ tiếp cận thị trường ở mức 4 và 5 (cao và rất cao) nghĩa là hộ tiếp cận thị trường tốt (nhận giá trị 1). Nếu mức độ tiếp cận thị trường của hộ ở mức 1, 2 và 3 (rất không tốt, không tốt và bình thường) nghĩa là hộ tiếp cận thị trường không tốt (nhận giá trị 0). Các biến độc lập trong mô hình logistic gồm: Mạng lưới chính thức: Hội khuyến nông (HN), Ban quản lý khu nuôi (BN), Tổ chức hội đoàn (HD); Mạng lưới phi chính thức: Đồng nghiệp/bạn bè (ĐN); Thương lái (TL), Đại lý (DL); Lòng tin (TR); Khoảng cách (KC); Tuổi (TU); Kinh nghiệm (KN); Số năm sống tại địa phương (SN); Trình độ học vấn (TD); Lao động (LD). Trong đó, biến Số năm sống tại địa phương (SN) là do tác giả đề xuất từ điều tra thực tế.

Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện có điều kiện, thông qua phỏng vấn trực tiếp 183 hộ nuôi tôm tại 03 xã ven biển của huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, là: An Thủy (65 hộ); Bảo Thạnh (58 hộ); Bảo Thuận (47 hộ). Điều tra được tiến hành vào tháng 05/2017. Thang đo được sử dụng trong nghiên cứu là thang đo Likert 5 điểm, với 1 - Rất không tốt; 2 - Không tốt; 3 - Bình thường; 4 - Tốt; 5 - Rất tốt.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tác động của vốn xã hội đến khả năng tiếp cận kiến thức nông nghiệp

Để xác định khả năng tiếp cận thị trường của 183 hộ nuôi tôm vùng ven biển của huyện Ba Tri,

BẢNG 2: ƯỚC LƯỢNG XÁC SUẤT TIẾP CẬN KIẾN THỨC NÔNG NGHIỆP

Các biến độc lập thuộc nhóm biến vốn xã hội	Xác suất tiếp cận kiến thức nông nghiệp được ước tính khi biến giải thích thay đổi một đơn vị và xác suất ban đầu (%)				
	β	Exp(β)	Khả năng tiếp cận		
			10%	20%	30%
Hội khuyến nông	1,247	3,480	27,9	46,5	59,9
Đồng nghiệp/bạn bè	1,776	5,906	39,6	59,6	71,7
Đại lý	1,548	4,702	34,3	54	66,8

Nguồn: Theo tính toán của tác giả

nghiên cứu đã sử dụng mô hình hồi quy logistic để ước lượng. Trong các biến của mô hình phân tích có 06 yếu tố không có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 10% là biến: Ban quản lý khu nuôi, Tổ chức hội đoàn, Thương lái, Lòng tin, Khoảng cách, Lao động và các biến số còn lại đều có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%.

Theo Bảng 1, kết quả của kiểm định Wald cho thấy, có 7 biến độc lập tương quan có ý nghĩa thống kê với biến phụ thuộc là: (1) Nhóm biến vốn xã hội, gồm: Hội khuyến nông, Đồng nghiệp/bạn bè, Đại lý; (2) Nhóm biến đặc điểm hộ, gồm: Tuổi, Kinh nghiệm, Số năm sinh sống tại địa phương, Trình độ học vấn.

Tác động vốn xã hội đến khả năng tiếp cận kiến thức nông nghiệp của hộ

Biến Hội khuyến nông có Sig. = 0,000 < 0,01. Do đó, biến Hội khuyến nông tương quan có ý nghĩa với biến phụ thuộc TCKT với độ tin cậy 99%. Đồng thời, dấu của hệ số hồi quy, cũng như kỳ vọng ban đầu. Nghĩa là biến Hội khuyến nông tỷ lệ thuận với khả năng tiếp cận kiến thức nông nghiệp của hộ. Điều này hoàn toàn hợp lý với thực tế. Bởi vì, thông qua các lần tham gia Hội khuyến nông, hộ sẽ thường xuyên nhận được thông tin về chính sách, khoa học kỹ thuật cũng như thông tin về các lớp tập huấn của huyện... góp phần giúp hộ tiếp cận được các kỹ thuật nuôi hiệu quả.

Biến Đồng nghiệp/bạn bè có Sig. = 0,000 < 0,01. Do đó, biến Đồng nghiệp/bạn bè tương quan có ý nghĩa với biến phụ thuộc TCKT với độ tin cậy 99%. Đồng thời, dấu của hệ số hồi quy, cũng như kỳ vọng ban đầu. Biến Đồng nghiệp/bạn bè của hộ tỷ lệ thuận với khả năng tiếp cận kiến thức nông nghiệp. Khi hộ có số lượng đồng nghiệp/bạn bè... tiếp xúc, hỗ trợ, chia sẻ khi hộ cần càng nhiều, thì khả năng tiếp cận các kiến thức nuôi càng cao. Đây là mạng lưới, mà hộ nuôi tiếp xúc thường xuyên nhất, qua mạng lưới Đồng nghiệp/bạn bè, ngoài việc nhận được các thông về nguồn nước, thời tiết, hộ nuôi còn nhận được sự chia sẻ về các kỹ thuật nuôi, cũng như các thông tin về thị trường. Đây cũng là mạng lưới góp phần vào giảm rủi ro trong sản xuất và thông tin bất cân xứng trong hoạt động của hộ.

Biến Đại lý có Sig. = 0,043 < 0,05. Do đó, biến Đại lý tương quan có ý nghĩa với biến phụ thuộc TCKT với độ tin cậy 95%. Đồng thời, dấu của hệ số hồi quy cũng như kỳ vọng ban đầu. Biến Đại lý của hộ tỷ lệ thuận với khả năng tiếp cận kiến thức nông nghiệp của hộ. Khi hộ

có số lượng đại lý... tiếp xúc, hỗ trợ, chia sẻ khi hộ cần càng nhiều, thì khả năng tiếp cận các kiến thức nuôi càng cao. Thực vậy, trong những năm qua số lượng các hội thảo giới thiệu về sản phẩm đã được các đại lý trên địa bàn tổ chức ngày một tăng. Qua các buổi hội thảo, phần nào cũng giúp được hộ nuôi có được các kiến thức về con giống, thuốc - hóa chất... và kỹ thuật nuôi.

Ngoài nhóm biến vốn xã hội đã phân tích ở trên, nhóm biến thuộc về đặc điểm của hộ gồm: Tuổi (Sig. = 0,067 < 0,1), Kinh nghiệm (Sig. = 0,022 < 0,05), Số năm sinh sống tại địa phương (Sig. = 0,000 < 0,001), Trình độ học vấn (Sig. = 0,000 < 0,001) tương quan có ý nghĩa với biến phụ thuộc TCKT với độ tin cậy lần lượt là 90%, 95%, 99%, 99%, tỷ lệ thuận với khả năng tiếp cận kiến thức nông nghiệp của hộ nên tác giả không phân tích.

Cũng từ Bảng 1, sử dụng kết quả của cột hệ số hồi quy (β) và cột (Exp(β) = e^β), hình thành kịch bản xác suất thay đổi khi xác suất ban đầu lần lượt là 10%, 20%, 30% đối với nhóm biến vốn xã hội. Đặt P_0 : xác suất ban đầu; P_1 : xác suất thay đổi; P_1 được tính theo công thức sau: $P_1 = (P_0 \times e^\beta) / (1 - P_0(1 - e^\beta))$. Kết quả có được như Bảng 2.

- **Hội khuyến nông:** Giả sử hộ nuôi tôm có xác suất tiếp cận kiến thức nông nghiệp ban đầu là 10%. Khi các yếu tố khác không đổi, nếu số Hội khuyến nông, mà thành viên trong hộ tham gia tăng thêm 01 đơn vị, thì xác suất tiếp cận kiến thức nông nghiệp tăng lên 27,9%. Nếu xác suất ban đầu là 20%, thì xác suất tiếp cận kiến thức nông nghiệp tăng 46,5% và xác suất ban đầu là 30%, thì xác suất tiếp cận kiến thức nông nghiệp là 59,9%.

- **Đồng nghiệp/bạn bè:** Giả sử hộ nuôi tôm có xác suất tiếp cận kiến thức nông nghiệp ban đầu là 10%. Khi các yếu tố khác không đổi, nếu số Đồng nghiệp/bạn bè có thể tiếp xúc, giúp đỡ, chia sẻ... khi hộ cần tăng thêm 01 người, thì xác suất tiếp cận kiến thức nông nghiệp tăng lên 39,6%. Nếu xác suất ban đầu là 20%, thì xác suất tiếp cận kiến thức nông nghiệp tăng 59,6% và xác suất ban đầu là 30%, thì xác suất tiếp cận kiến thức nông nghiệp là 71,7%.

- **Đại lý:** Giả sử hộ nuôi tôm có xác suất tiếp cận kiến thức nông nghiệp ban đầu là 10%. Khi các yếu tố khác không

đổi, nếu số Đại lý có thể tiếp xúc, giúp đỡ, chia sẻ... khi hộ cần tăng thêm 01 đơn vị, thì xác suất tiếp cận kiến thức nông nghiệp tăng lên 34,3%. Nếu xác suất ban đầu là 20%, thì xác suất tiếp cận kiến thức nông nghiệp tăng 54% và xác suất ban đầu là 30%, thì xác suất tiếp cận kiến thức nông nghiệp là 66,8%.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Từ kết quả nghiên cứu trên, tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao khả năng tiếp cận kiến thức nông nghiệp qua mạng lưới xã hội của hộ nuôi tôm, như sau:

(i) Đối với chính quyền địa phương:

- Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin thị trường, các kỹ thuật nuôi thông qua các buổi sinh hoạt tại Hội khuyến nông; Ban quản lý khu nuôi. Đặc biệt, các tổ chức hội đoàn cũng cần tiến hành triển khai phổ biến nhiều hơn, vì hội đoàn là tổ chức, mà thành viên trong hộ nuôi tôm tham gia sinh hoạt thường xuyên.

- Địa phương cần thường xuyên cập nhật các đại lý cung cấp con giống, thuốc, thức ăn uy tín, an toàn đã được cơ quan

chức năng cấp phép trên địa bàn để người dân dễ nắm bắt. Bên cạnh đó, giới thiệu các đại lý, thương lái lớn có uy tín đến hộ nuôi nhằm hạn chế tình trạng bị ép giá.

- Cần khuyến khích và tăng cường phối hợp với các đại lý cung cấp con giống, thức ăn... để tổ chức chương trình tập huấn kiến thức nông nghiệp cho các hộ, như: các kỹ thuật nuôi, kỹ thuật phòng bệnh và phổ biến thông tin thị trường.

(ii) Về phía hộ nuôi tôm:

- Chủ động và thường xuyên tham gia vào các buổi sinh hoạt định kỳ do Hội khuyến nông tổ chức để nhận được sự chia sẻ những thông tin hữu ích về thị trường, đầu vào và đầu ra cho sản phẩm. Đặc biệt là các kỹ thuật nuôi mới phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Tích cực tham gia vào các buổi giới thiệu phẩm cũng như các buổi giới thiệu về kỹ thuật mới của đại lý các cấp để kịp thời ứng dụng vào hoạt động sản xuất. Mặt khác, hộ nuôi nên tự giác học tập, bồi dưỡng kiến thức bằng nhiều hình thức, như: thường xuyên theo dõi các tin tức liên quan đến các chương trình khuyến nông, khuyến ngư qua báo, đài, internet để học tập kinh nghiệm, bổ sung kiến thức.

- Tích cực thực hiện liên kết ngang và liên kết dọc trong sản xuất: (1) Liên kết ngang giữa các nhóm hộ nuôi tôm theo hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã sẽ góp phần nhận được chia sẻ kinh nghiệm, kỹ thuật sản xuất, nguồn vốn; (2) Liên kết dọc giúp hộ nhận được sự cam kết thương mại trong cung ứng nguyên vật liệu đầu vào và đảm bảo đầu ra ổn định. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Thế Duy (2013). *Phân tích các yếu tố đầu vào ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế nuôi tôm vùng ven biển tỉnh Bến Tre*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
2. Nguyễn Trọng Hoài, Trần Quang Bảo (2014). Ảnh hưởng của vốn xã hội đến tiếp cận tín dụng của hộ gia đình nông thôn Việt Nam, *Tạp chí Phát triển Kinh tế* 279 (01/2014), pp.41-57
3. Nguyễn Trọng Hoài, Huỳnh Thanh Điền (2010). Xây dựng khung phân tích vốn xã hội trong doanh nghiệp cho điều kiện Việt Nam, tổng quan lý thuyết và các nghiên cứu thực nghiệm, *Tạp chí Kinh tế Phát triển*, số 6, tháng 08/2010, tr.22-28.
4. Bourdieu P. (1986). *The Form of Capital*, in Richardson, J.E.(ed.), *Handbook of Theory of Research for the Sociology of Education*, 241258, New York: Greenwood
5. Coleman J. (1988). Social capital in the creation of human capital, *American Journal of sociology*, 94, 95-120
6. Coleman J. (1990). *Foundations of social theory*, Cambridge: Harvard University Press
7. Lya Judson Hanifan (1916). *The rural school community center*, *Annals of the American Academy of Political and Social Science*, 67, 130-38.
8. Nahapiet, J. & Ghoshal, S. (1998). *Social capital, intellectual capital, and the organizational advantage*, *Academy of Management Review*, 23, 242-266
9. Putnam R.D. (1993). *The Prosperous Community, Social Capital and Public Life*, *The American Prospect*, 13, 35-42
10. Putnam R.D., Leonardi R. and Nonetti, R.Y. (1993). *Making Democracy Work: Civic Traditions in Modern Italy*, Princeton: Princeton University Press
11. Putnam R.D. (2000). *Bowling Alone: The Collapse and Revival of American Community*, New York
12. Sen, U. (2010). *Social Capital and Trust: The Relationship between Social Capital Factors and Trust in the Police in the United States*, The Dissertation, The University of Texas